

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: /2020/HĐMB-APT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ các quy định pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu các bên,

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm, tại trụ sở Công ty, chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (BÊN A): CÔNG TY

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Ngày cấp:

Đơn vị cấp:

Email:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Căn cước công dân số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

BÊN MUA (BÊN B):

Địa chỉ[1]:

Giấy đăng ký kinh doanh số[2]:

Ngày cấp:

Đơn vị cấp:

Số điện thoại (nếu có):

Người đại diện pháp luật:

Chức vụ:

Giấy chứng thực cá nhân số:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký hợp đồng mua bán hàng hóa các điều khoản dưới đây để thực hiện giao dịch:

Điều 1. Đối tượng của Hợp đồng

1.1. Bên A là doanh nghiệp kinh doanh, cung cấp thực phẩm. Bên B có nhu cầu sử dụng dịch vụ, thực phẩm của Bên A. Bên A đồng ý bán sản phẩm của mình (*cụ thể trong Phụ lục 02 đính kèm Hợp đồng này*) cho Bên B nhằm tiêu thụ sản phẩm của Công ty ... trên thị trường Việt Nam.

1.2. Tên hàng, đơn giá hàng hóa, số lượng, chất lượng hàng hóa, thời gian, điều kiện giao hàng và các nội dung có liên quan khác sẽ được hai bên thống nhất và quy định trong Hợp đồng này, Phụ lục đính kèm Hợp đồng này và các văn bản khác nếu các bên có thỏa thuận khác.

Điều 2. Số lượng, chất lượng hàng hóa

2.1. Chứng loại, số lượng hàng hóa Bên A giao cho Bên B căn cứ vào từng lần đặt hàng.

2.2. Chất lượng hàng hóa:

a) Hàng hóa đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn của nhà sản xuất, hồ sơ công bố, phù hợp các quy định pháp luật và thỏa thuận của Hai Bên.

b) Hạn sử dụng: Hàng hóa Bên A khi giao cho Bên B còn hạn sử dụng.

c) Bao bì hàng hóa còn nguyên vẹn. Đóng gói hàng hóa phù hợp với quá trình vận chuyển.

d) Tại thời điểm Bên A giao hàng, hàng hóa còn nguyên vẹn, đảm bảo chất lượng theo quy định của pháp luật và tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Điều 3. Giá cả, phương thức và thời hạn thanh toán

3.1. Giá cả

Giá cả của hàng hóa Bên A bán cho Bên B được các bên thỏa thuận (có bảng báo giá) tại từng thời điểm giao hàng, được ấn định trong từng Phiếu yêu cầu kèm Giấy giao hàng mỗi khi giao hàng cụ thể.

Trường hợp có thay đổi về giá cả hàng hóa, Bên A sẽ báo trước cho Bên B.

3.2. Phương thức và thời hạn thanh toán

a) Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán cho Bên A ngay khi Bên B nhận hàng hoặc ghi công nợ thanh toán với Bên A. Thời hạn thanh toán công nợ được Hai Bên thỏa thuận cụ thể trong Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

Khi Bên B ghi nợ thanh toán với Bên A và được Bên A đồng ý thì Bên B phải ghi rõ là “chưa thanh toán” và ký, ghi rõ họ tên vào Phiếu yêu cầu kèm Giấy giao hàng của Bên A.

Nếu ngày đến hạn thanh toán trùng với ngày nghỉ lễ, Tết hoặc ngày nghỉ theo quy định của pháp luật thì lịch thanh toán được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp.

b) Hình thức thanh toán: Bên B thanh toán bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản.

c) Hạn mức công nợ tối đa: Theo thỏa thuận cụ thể trong Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

d) Nếu chậm thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng này thì Bên B phải trả tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 20%/ năm trên số tiền chậm trả cho khoảng thời gian chậm trả.

đ) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a hoặc hạn mức công nợ quy định tại điểm c khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng này, Bên A không cung cấp hàng cho Bên B kể từ ngày quá hạn thanh toán hoặc vượt hạn mức công nợ cho đến khi Bên B thanh toán đủ.

e) Người được chỉ định ghi nhận tại Phụ lục 01 Hợp đồng này hoặc được ủy quyền bằng văn bản có trách nhiệm thanh toán và thu hồi công nợ.

Điều 4. Đặt hàng

4.1. Phương thức đặt hàng: Người được chỉ định của Bên B trực tiếp liên hệ với người được chỉ định của Bên A bằng lời nói hoặc văn bản thông qua điện thoại, email và các phương tiện truyền đạt thông tin khác.

4.2. Nhân viên phụ trách vấn đề báo giá, đặt hàng và thanh toán của công ty ...: Ghi nhận cụ thể trong Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này.

Điều 5. Địa điểm, phương thức giao nhận

5.1. Hàng hóa có thể giao một lần hay nhiều lần tùy theo hai bên thỏa thuận và khả năng cung cấp của Bên A. Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu.

Bằng chứng giao nhận hàng gồm có: Hóa đơn bán hàng hợp lệ hoặc Phiếu yêu cầu kiểm Giấy giao hàng ghi rõ số hóa đơn bán hàng, chủng loại, số lượng hàng, giá trị đơn hàng.

5.2. Địa điểm nhận hàng hóa: Hai Bên thống nhất tại Phụ lục 01 Hợp đồng này. Trường hợp nhận hàng tại địa điểm không được ghi nhận tại Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này, Bên B phải thông báo trước cho Bên A và được Bên A đồng ý.

5.3. Thời gian giao nhận hàng do Hai Bên thống nhất trong từng lần đặt hàng.

5.4. Bên B chịu trách nhiệm giải quyết các thủ tục, chi phí cấp giấy phép điểm đỗ, đường cấm (nếu có), chi phí bốc xếp từ khi nhận hàng tại kho và đến địa điểm khác theo thỏa thuận của Hai Bên.

5.5. Sau khi Bên A hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, Bên B có trách nhiệm kiểm tra hàng hóa và hóa đơn, giấy tờ khác đi kèm. Sau khi Bên B đã đồng ý nhận hàng thì mọi trách nhiệm về hàng hóa là của Bên B.

Điều 6. Đổi, trả hàng

6.1. Sau khi nhận hàng, Bên B được đổi hàng trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận hàng. Hàng đổi phải còn nguyên bao bì, chất lượng như lúc giao nhận. Bên A không nhận lại hàng trong trường hợp hàng không đảm bảo bao bì, chất lượng như tại thời điểm giao nhận, hết hạn sử dụng.

6.2. Bên B được trả lại hàng đã nhận nếu được Bên A đồng ý. Giá trị hàng trả tính theo giá ghi nhận tại Phiếu yêu cầu kiểm Giấy giao hàng.

6.3. Chi phí phát sinh trong quá trình đổi, trả hàng do Bên B chịu toàn bộ, bao gồm cả chi phí giao hàng lần đầu, chi phí vận chuyển và chi phí khác (nếu có).

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ Bên A

7.1. Quyền của Bên A

- a) Yêu cầu Bên B thanh toán theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này;
- b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của Bên B;
- c) Có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B không thực hiện đúng, đầy đủ các quy định trong hợp đồng này.
- d) Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại nếu Bên B vi phạm Hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên A.

7.2. Nghĩa vụ của Bên A

- a) Cung cấp đầy đủ số lượng, chất lượng, qui cách hàng hóa theo đơn đặt hàng của Bên B;
- b) Cung cấp đầy đủ các hồ sơ, chứng từ liên quan đến hàng hóa của Bên A khi Bên B có yêu cầu;

c) Đảm bảo tiến độ giao hàng đúng thời gian, địa điểm đã được Hai Bên thống nhất.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

8.1. Quyền của Bên B

- a) Yêu cầu Bên A giao hàng theo đúng thỏa thuận ghi trong Đơn đặt hàng;
- b) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Bên B thực hiện Hợp đồng này;
- c) Yêu cầu Bên A cung cấp đầy đủ hóa đơn giao hàng theo quy định;
- d) Yêu cầu Bên A bồi thường thiệt hại nếu Bên A vi phạm Hợp đồng mà gây thiệt hại cho Bên B.

8.2. Nghĩa vụ của Bên B

- a) Tạo mọi điều kiện thuận lợi tốt nhất cho Bên A giao hàng;
- b) Hoàn thành nghĩa vụ nhận hàng khi Bên A giao hàng;
- c) Bố trí người nhận hàng và hướng dẫn cho Bên A giao hàng;
- d) Sử dụng đối tượng của hợp đồng đúng công dụng và mục đích khi xác lập Hợp đồng này, không lạm dụng đối tượng của Hợp đồng này nhằm gây hại cho bên thứ ba;
- e) Khi Bên B ủy quyền cho người khác nhận hàng thì phải làm giấy ủy quyền theo mẫu quy định của Bên A và giao cho Bên A giữ.

Điều 9. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại

9.1. Trường hợp một Bên vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng này, Bên không vi phạm sẽ gửi Thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm, trong đó nêu rõ hành vi vi phạm, các bằng chứng kèm theo, biện pháp khắc phục và thời hạn hợp lý để Bên vi phạm khắc phục. Nếu quá thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục mà Bên vi phạm không thực hiện hoặc không đầy đủ các biện pháp khắc phục, Bên không vi phạm có quyền:

- a) Tự khắc phục hoặc thuê Bên thứ ba khắc phục hậu quả của những vi phạm đó; mọi chi phí khắc phục sẽ do Bên vi phạm chi trả;
- b) Yêu cầu Bên vi phạm trả một khoản tiền phạt vi phạm bằng 8% giá trị phần hợp đồng hoặc phần đơn hàng bị vi phạm (nếu không có thỏa thuận khác);
- c) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng việc gửi Thông báo chấm dứt hợp đồng bằng văn bản cho Bên kia trước 07 (bảy) ngày mà không phải trả bất kỳ khoản phạt, bồi thường thiệt hại nào cho Bên kia.

9.2. Trường hợp phát sinh thiệt hại do sự vi phạm thỏa thuận của một Bên và Bên này chứng minh được lỗi của Bên kia thì Bên kia có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại, bao gồm thiệt hại thực tế mà Bên không vi phạm đã bỏ ra để thực hiện Hợp đồng và những lợi ích kinh tế mà đáng lẽ ra Bên không vi phạm đã đạt được nếu không có hành vi vi phạm của Bên kia.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung và chấm dứt Hợp đồng

10.1. Mọi sự sửa đổi, bổ sung liên quan đến Hợp đồng này đều phải được Hai bên thống nhất và ghi nhận bằng Phụ lục Hợp đồng. Phụ lục Hợp đồng là phần không tách rời với Hợp đồng này.

10.2. Hợp đồng này chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Hết thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực và Bên B hoàn trả đầy đủ công nợ, Hợp đồng này đương nhiên chấm dứt;
- b) Hai bên cùng đồng ý thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn;
- c) Một trong các Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật dẫn đến không thể tiếp tục được Hợp đồng.

10.3. Mỗi Bên đều có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng này với điều kiện phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 15 (mười lăm) ngày làm việc. Bên B phải hoàn trả đầy đủ công nợ tiền hàng và các khoản nợ khác (nếu có) cho Bên A trong thời gian nói trên.

Điều 11. Phương thức giải quyết tranh chấp

Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp thương lượng không thành, các Bên có quyền đưa vụ việc ra Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết. Bản án của Tòa án hoặc quyết định của Trọng tài là quyết định cuối cùng. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi án phí, bao gồm cả chi phí luật sư và các chi phí khác để giải quyết tranh chấp của Bên thắng kiện.

Điều 12. Bảo mật

12.1. Không Bên nào được tiết lộ, cho phép việc tiết lộ, thực hiện tuyên bố công khai hoặc trao đổi với các phương tiện thông tin đại chúng hoặc bên thứ ba bất kỳ tài liệu, thông tin hoặc nội dung nào liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

12.2. Không bên nào bị coi là vi phạm nếu việc tiết lộ thông tin đó được thực hiện sau khi đã có thông báo trước cho Bên kia trong từng trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật, hoặc yêu cầu hợp pháp của Cơ quan nhà nước, hoặc các nguyên tắc kế toán áp dụng cho bất kỳ Bên nào, hoặc do yêu cầu của quá trình tố tụng liên quan đến các hành động pháp lý phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này.

Điều 13. Hiệu lực của Hợp đồng

13.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ sau ngày bên cuối cùng ký và đóng dấu (nếu có).

13.2. Nếu bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này không có hiệu lực hoặc không thể thi hành được hoặc bị pháp luật cấm, điều khoản đó sẽ được coi là tách rời khỏi Hợp đồng này mà không ảnh hưởng đến các điều khoản còn lại của Hợp đồng. Những điều khoản còn lại vẫn có hiệu lực và vẫn có giá trị bắt buộc.

13.3. Không Bên nào được phép chuyển giao bất kỳ một phần hoặc toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này cho Bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên còn lại.

Hợp đồng gồm 05 (năm) trang, được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

BÊN A

BÊN B